TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2025/DSST
Ngày: 22-08-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thạch

2. Bà Lê Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1076/2024/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 925/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ trụ sở: phường Xuân Hòa (phường Võ Thị Sáu, Quận 3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn T; địa chỉ liên hệ: phường Xuân Hòa (phường Võ Thị Sáu, Quận 3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trương Nguyệt Linh T, sinh năm 1978; địa chỉ: phường Thông Tây Hội (Phường 8, quận Gò Vấp cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/07/2024 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/10/2015 bà Trương Nguyệt Linh T có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp

đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trương Nguyệt Linh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Ngày 27/12/2019 nâng hạn mức sử dụng lên số tiền 113.000.000 đồng. Ngày 09/09/2020 nâng hạn mức sử dụng lên số tiền 151.000.000 đồng. Ngày 26/10/2021 nâng hạn mức sử dụng lên số tiền 227.000.000 đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trương Nguyệt Linh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.427.269.733 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trương Nguyệt Linh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.407.567.835 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Trương Nguyệt Linh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Trương Nguyệt Linh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 05/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trương Nguyệt Linh T trả số tiền nợ tính đến ngày 22/08/2025 là 492.115.225 đồng, trong đó nợ gốc là 263.761.693 đồng, lãi quá hạn là 228.353.532 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà Trương Nguyệt Linh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bà Trương Nguyệt Linh T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trương Nguyệt Linh T không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Trương Nguyệt Linh T về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bị đơn khai địa chỉ của bị đơn tại phường Thông Tây Hội (Phường 8, quận Gò Vấp cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Thông Tây Hội (Phường 8, quận Gò Vấp cũ) thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện nay bị đơn không còn cư trú, không rõ nơi ở hiện nay.

Như vậy, tại thời điểm giao kết hợp đồng bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Thông Tây Hội (Phường 8, quận Gò Vấp cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù hiện nay bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ trên nhưng nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ phường Thông Tây Hội (Phường 8, quận Gò Vấp cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn

vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 492.115.225 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2015, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S có cơ sở để xác định giữa bà Trương Nguyệt Linh T và Ngân hàng có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Trương Nguyệt Linh T với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Ngày 27/12/2019 nâng hạn mức sử dụng lên số tiền 113.000.000 đồng. Ngày 09/09/2020 nâng hạn mức sử dụng lên số tiền 151.000.000 đồng. Ngày 26/10/2021 nâng hạn mức sử dụng lên số tiền 227.000.000 đồng. Lãi suất và phí theo Biểu phí áp dụng chung cho các sản phẩm dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng S.

Việc xác lập giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và bà Trương Nguyệt Linh T là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận tại Điều 19 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có hiệu lực từ ngày 29/11/2019, bà Trương Nguyệt Linh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào trước ngày đến hạn được ghi trong Thông báo giao dịch. Nhưng từ khi kích hoạt thẻ đến nay, bà Trương Nguyệt Linh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.427.269.733 đồng nhưng chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 3.407.567.835 đồng rồi ngưng không thanh toán nữa. Như vậy bà Trương Nguyệt Linh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trương Nguyệt Linh T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 22/08/2025 là 492.115.225 đồng, trong đó nợ gốc là 263.761.693 đồng, lãi quá hạn là 228.353.532 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời hạn thanh toán: Do bà Trương Nguyệt Linh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà Trương Nguyệt Linh T phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/8/2025 bà Trương Nguyệt Linh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng

cho vay thì lãi suất mà bà Trương Nguyệt Linh T phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.684.609 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trương Nguyệt Linh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 22/08/2025 là 492.115.225 đồng, trong đó nợ gốc là 263.761.693 đồng, lãi quá hạn là 228.353.532 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/08/2025 bà Trương Nguyệt Linh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trương Nguyệt Linh T phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 23.684.609 đồng bà Trương Nguyệt Linh T phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng S là 8.636.822 đồng theo biên lai thu số 0014798 ngày 23/10/2024 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 (Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cũ).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADSTPHCM-PTHADSKV7;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung